| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÙ YÊN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày 21-9-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Đức.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Lê Thị Bống.
2. Ông Đinh Công Ó.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Sa Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.
Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn A** (tên gọi khác: không), sinh ngày 09 tháng 6 năm 1983 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản T, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã MT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nguyên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, chức vụ: Phó bí thư Đảng ủy xã TL (Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số: 82–QĐ/UBKTHU ngày 11/11/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Phù Yên); quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1956 và bà Trần Thị V, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 18/01/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh từ ngày 18/01/2023 cho đến nay - Có mặt.

2. **Nguyễn Thị B** (tên gọi khác: không), sinh ngày 29 tháng 8 năm 1985 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kế toán Uỷ ban nhân dân xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nguyên Kế toán Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ X, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; bị cáo có chồng là PTH Văn S (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 18/01/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh từ ngày 18/01/2023 cho đến nay - Có mặt.

3. **Nguyễn Quang C** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 7 năm 1966 tại huyện BV, thành phố HN; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH LT; trình độ văn hoá (học vấn): 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn G T (đã chết) và bà Chu Thị Th, sinh năm 1935; bị cáo có vợ là Vũ Thị D, sinh năm 1974 và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 11/4/2002, bị Công an huyện Phù Yên xử phạt Vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc với mức phạt 500.000 đồng; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho đến nay - Có mặt.

4. **Vũ Thị D** (tên gọi khác: không), sinh ngày 10 tháng 11 năm 1974 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH LT; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích L (đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Quang C, sinh năm 1966 và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho đến nay - Có mặt.

5. **Nguyễn Hải E** (tên gọi khác: không), sinh ngày 10 tháng 9 năm 1982 tại huyện SD, tỉnh TQ; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Xây Dựng, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ; nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1945; bị cáo có vợ là Nguyễn Kim A, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho đến nay - Có mặt.

6. **Hà Văn F** (tên gọi khác: không), sinh ngày 17 tháng 5 năm 1991 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản TK, xã MD, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Ư, sinh năm 1963 và bà Hà Thị S, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho đến nay - Có mặt.

7. **Nguyễn Hải G** (tên gọi khác: không), sinh ngày 06 tháng 02 năm 1989 tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ X, phường CL, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số: 65–QĐ/UBKTTU ngày 04/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Thành uỷ Sơn La); quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1960 và bà Chu Thị B, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Nguyễn Hương G, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho đến nay - Có mặt.

8. **Bùi Văn H** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 8 năm 1975 tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ X, phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số: 66–QĐ/UBKTTU ngày 04/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Thành uỷ Sơn La); quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1945; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1982 và 02 con, đều sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho đến nay - Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người U diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn I – chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Vắng mặt.

Người U diện theo uỷ quyền: Ông Bàn Văn J – chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Phòng kinh tế - hạ tầnQHện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Người U diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K – chức vụ: Trưởng phòng – Có mặt.

2. Phòng tài chính - kế hoạch huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Người U diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân L – chức vụ: Trưởng phòng – Có mặt.

3. Kho bạc Nhà nước huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Người U diện theo pháp luật: Ông Vũ Công M – chức vụ: Giám đốc - Vắng mặt.

4. Ông Hà Văn N, sinh năm 1965; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản M, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

5. Ông Hà Văn O, sinh năm 1966; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TH, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

6. Ông Đinh Văn P, sinh năm 1985; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TQ, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

7. Ông Q, sinh năm 1977; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản NX, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

8. Ông Bàn Văn R, sinh năm 1977; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản ĐL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Có mặt.

9. Ông Cầm Văn S, sinh năm 1982; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản M, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

10. Bà Hà Thị T, sinh năm 1983; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản M, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

11. Ông Trần Văn U, sinh năm 1976; nơi cư trú: Bản T, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

12. Ông Phan Văn U, sinh năm 1965 - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân UH TS; nơi cư trú: Khu ĐT, xã KS, huyện TS, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

13. Ông Đỗ Mạnh V, sinh năm 1983 - Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn, thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN; nơi cư trú: Đội XY, thôn BD, xã KH, huyện ML, thành phố HN - Vắng mặt.

14. Ông Trần W, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn HK, xã DT, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc - Vắng mặt.

15. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1985; nơi công tác: Công ty trách Nhiệm hữu hạn LT; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

16. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1983; nơi cư trú: Bản D, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

17. Bà Vi Thị Kim Z, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

18. Ông Trần Văn TH, sinh năm 1984; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Kẽm, xã Mường Lang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

19. Ông A1, sinh năm 1982; nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TH, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

*- 05 hộ gia đình cư trú tại bản TH, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình ông A2, sinh năm 1982 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình bà A3, sinh năm 1969 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình ông A4, sinh năm 1979 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình ông A5, sinh năm 1958 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình ông A6, sinh năm 1974 - Vắng mặt

*- 15 hộ gia đình cư trú tại bản V, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình ông A7, sinh năm 1982 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình ông A8, sinh năm 1968 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình bà A9, sinh năm 1983 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình bà A10, sinh năm 1973 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A11, sinh năm 1982- Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A12, sinh năm 1995 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A13, sinh năm 1963 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A14, sinh năm 1966 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A15, sinh năm 1964 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A16, sinh năm 1967 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A17, sinh năm 1984 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A18, sinh năm 1975 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A19, sinh năm 1968 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 20, sinh năm 1966 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 21, sinh năm 1989 - Vắng mặt

*- 10 hộ gia đình cư trú tại bản M, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình ông A 22, sinh năm 1963 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 23, sinh năm 1974 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 24, sinh năm 1980 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông Hà Chí R, sinh năm 1976 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 25, sinh năm 1967 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 26, sinh năm 1978 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 27, sinh năm 1986 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 28, sinh năm 1973 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 29, sinh năm 1981 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông Hà Văn N, sinh năm 1965 - Vắng mặt

*- 18 hộ gia đình cư trú tại bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình ông A 30, sinh năm 1982 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 31, sinh năm 1995 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 32, sinh năm 1988 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 33, sinh năm 1995 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 34, sinh năm 1976 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 35, sinh năm 1992 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 36, sinh năm 1980 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 37, sinh năm 1991 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 38, sinh năm 1974 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 39, sinh năm 1980 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 40, sinh năm 1969 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 41, sinh năm 1981 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông Bùi Văn S, sinh năm 1969 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông Lương Văn H, sinh năm 1962 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 42, sinh năm 1992 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A 43, sinh năm 1968 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 44, sinh năm 1964 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A 45, sinh năm 1950 - Vắng mặt

*- 26 hộ gia đình cư trú tại bản ĐL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình ông A46, sinh năm 1978 - Vắng mặt

+ Hộ gia đình bà A47, sinh năm 1990 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A48, sinh năm 1978 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A49, sinh năm 1981- Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A50, sinh năm 1987 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình A51, sinh năm 1966 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A52, sinh năm 1964 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A53, sinh năm 1951 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A54, sinh năm 1986 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A55, sinh năm 1945 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A56, sinh năm 1997 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A57, sinh năm 1984 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A58, sinh năm 1957 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A59, sinh năm 1993 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A60, sinh năm 1962 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A61, sinh năm 1965 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A62, sinh năm 1965 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A63, sinh năm 1972 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A64, sinh năm 1993 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A65, sinh năm 1982 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A66, sinh năm 1987 - Có mặt
+ Hộ gia đình bà A67, sinh năm 1947 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A68, sinh năm 1988 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A69, sinh năm 1936 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A70, sinh năm 1977 - Có mặt
+ Hộ gia đình bà A71, sinh năm 1963 - Vắng mặt

*- 18 hộ gia đình cư trú tại bản T, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình ông A72, sinh năm 1976 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A73, sinh năm 1982 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A74, sinh năm 1978 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A75, sinh năm 1972 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A76, sinh năm 1997 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A77, sinh năm 1985 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A78, sinh năm 1982 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A79, sinh năm 1989 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A80, sinh năm 1960 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A81, sinh năm 1991 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A82, sinh năm 1961 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A83, sinh năm 1977 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A84, sinh năm 1983 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A85, sinh năm 1953 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A86, sinh năm 1975 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A87, sinh năm 1977 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A88, sinh năm 1955 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A89, sinh năm 1983 - Có mặt

*- 15 hộ gia đình cư trú tại bản TL2, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*

+ Hộ gia đình bà A90 , sinh năm 1979 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A91, sinh năm 1963 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình bà A92, sinh năm 1965 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A93, sinh năm 1978 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A94, sinh năm 1982 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A95, sinh năm 1976 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A96, sinh năm 1973 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A97, sinh năm 1967 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A98, sinh năm 1993 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A99, sinh năm 1991 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A100, sinh năm 1987 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông An A101, sinh năm 1962 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A102, sinh năm 1989 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A103, sinh năm 1980 - Vắng mặt
+ Hộ gia đình ông A104, sinh năm 1991 - Vắng mặt

- Ông A105, sinh năm 1974 – Trưởng bản TH, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TH, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A106, sinh năm 1987 – Trưởng bản TL2, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TL2, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A105, sinh năm 1967 – Trưởng bản T, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản T, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A106, sinh năm 1982 – Trưởng bản ĐL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản ĐL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

- Ông A107, sinh năm 1983 – Trưởng bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A108, sinh năm 1973 – Trưởng bản M, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản M, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A109, sinh năm 1968 – Trưởng bản V, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản V, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Bà A110, sinh năm 1963 – Nguyên trưởng bản ĐL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản ĐL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Có mặt.

- Ông A111, sinh năm 1966 – Nguyên trưởng bản V, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản V, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A112, sinh năm 1964 – Nguyên trưởng bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; ; nơi cư trú: Bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

- Ông A113, sinh năm 1991 – Nguyên trưởng bản TL2, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TL2, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã tiếp nhận đơn đề nghị của ông A20 với nội dung: Trong năm 2020, Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong quá trình thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới đã giao cho ông Đinh Văn P *(cán bộ địa chính xã TL)* thực hiện thu của mỗi hộ dân của bản V, xã TL mỗi hộ 300.000 đồng (tổng số tiền thu được là 4.500.000 đồng/15 hộ dân) tiền sử dụng lò đốt rác mini có dấu hiệu trái quy định. Ông A20 yêu cầu điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, xác minh đã xác định được:

Ngày 10/02/2020, Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Phù Yên ra Quyết định số 168 về việc giao chỉ tiêu thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới năm 2020, trong đó có xã TL phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí. Trong các tiêu chí phấn đấu, xã TL chưa đảm bảo tiêu chí số 17 trong lĩnh vực môi trường. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn A *(khi đó là Chủ tịch UBND xã TL)* đã ký Tờ trình số 08 gửi UBND huyện Phù Yên xin cấp kinh phí xử lý rác thải bằng việc mua và phát các lò đốt rác mini cho các hộ dân trên địa bàn.

Khi chưa được UBND huyện Phù Yên cấp kinh phí, vào đầu tháng 3/2020, Thường trực Đảng ủy xã TL thời điểm này có 03 người gồm: Ông Hà Văn N *(là Bí thư Đảng ủy xã),* ông Hà Văn S1 *(là Phó Bí thư thường trực),* Nguyễn Văn A đã họp bàn và thống nhất triển khai mô hình lò đốt rác mini ở 11 bản thuộc xã TL và thống nhất việc thu tiền đối ứng của mỗi hộ gia đình có nhu cầu sử dụng lò đốt rác mini là 300.000 đồng/01 hộ với chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm để xã TL đạt tiêu chí 17 về môi trường, giao cho Nguyễn Văn A là người chủ trì thực hiện. Sau đó, A chủ trì cuộc họp với 11 trưởng bản của xã TL để thông báo quyết định của Thường trực Đảng ủy xã về chủ trương này. A thông báo giá của mỗi lò đốt rác mini là 600.000 đồng, Nhà nước sẽ hỗ trợ 300.000 đồng, mỗi hộ dân đóng góp 300.000 đồng và giao cho Đinh Văn P *(cán bộ địa chính xã)* làm việc với các trưởng bản để thống kê số hộ đăng ký mua và thu tiền thông qua các trưởng bản. Tính đến tháng 7/2022, P đã thu được tổng cộng số tiền 34.500.000 đồng từ 07 trưởng bản. Bản thân ông N, S1, A và Nhiều cán bộ xã cũng đã nộp số tiền này để nêu gương cho người dân trong xã.

Ngày 16/4/2020, Chủ tịch UBND huyện Phù Yên ký Quyết định số 663 về việc phân bổ nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 để xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn, giao cho UBND xã TL là chủ đầu tư thực hiện. Tổng số tiền được cấp là 500.000.000 đồng, để thực hiện các hạng mục, công trình gồm: (1) Xây dựng lò đốt rác mini; (2) trồng hoa tại tuyến đường bản M, bản KT, bản TL; (3) cải tạo lòng suối từ cầu bản TL2 đến bản V, xã TL; (4) trồng cây phân tán dọc tuyến đường bản DD, xã TL. Đối với hạng mục thứ tư là trồng cây phân tán dọc tuyến đường bản DD, xã TL, qua đánh giá không khả thi nên UBND xã TL không thực hiện. Nguyễn Văn A không chỉ đạo Đinh Văn P dừng việc thu tiền mua lò đốt rác mini mà họp thống nhất với Hà Văn N, Hà Văn S1 tiếp tục thu tiền và sử dụng số tiền thu được để xây dựng, cải tạo khuôn viên UBND xã TL. Cụ thể, đã thuê anh Trần Văn U xây dựng đường vào UBND xã, hai bên cánh gà hành lang, đổ sân bê tông, xây dựng tường bao đầu hồi nhà văn

hóa mới, bể chứa nước trong khuôn viên UBND xã TL hết tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 15/5/2020, A đại diện cho UBND xã TL hợp đồng thuê Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY do Nguyễn Hải E là Giám đốc Công ty để lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đối với các hạng mục, công trình được nêu trong Quyết định 663. Sau đó, E đã giao cho Hà Văn F *(nhân viên của Công ty)* tiến hành khảo sát, thực hiện báo cáo kinh tế kỹ thuật trên. Khi thực hiện xong, Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY bàn giao lại cho UBND xã TL. Theo quy định, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình sau khi được xây dựng phải được một đơn vị độc lập tiến hành thẩm tra. Do không tìm được đơn vị thẩm tra, nên A đã nhờ E tìm giúp đơn vị để thẩm tra. E đã liên hệ và nhờ anh Đỗ Mạnh V *(là Giám đốc Công ty cổ phần thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN)* thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY lập, anh V đồng ý. Khi nhận được hồ sơ và các tài liệu do E gửi, anh V giao cho cộng tác viên của Công ty là anh Trần W kiểm tra tính pháp lý. Sau khi thẩm tra Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xong, anh V ký xác nhận và đóng dấu Công ty và gửi lại cho E. Sau đó, E bàn giao lại cho anh Q *(là cán bộ địa chính xã TL),* anh M1 mang hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY lập và hồ sơ thẩm tra do Công ty cổ phần thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN đến phòng Kinh tế hạ tầnQHện Phù Yên để thẩm định.

Ngày 22/7/2020, phòng Kinh tế hạ tầng huyện Phù Yên thẩm định xong hồ sơ và có báo cáo thẩm định số 108 xác định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình và hồ sơ thẩm tra đảm bảo đúng quy định. Tuy Nhiên, A lại không thực hiện theo nội dung dự toán thi công xây dựng có trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được thẩm định. Vì trước đó, do Nguyễn Thị B *(Kế toán UBND xã TL)* đề xuất nên A đã quyết định tách 03 hạng mục (1) xây dựng lò đốt rác mini; (2) trồng hoa tại tuyến đường bản M, bản KT, bản TL; (3) cải tạo lòng suối từ cầu bản TL2 đến bản V, xã TL để 03 đơn vị khác nhau thực hiện, do kinh phí thực hiện sẽ rẻ hơn. Cụ thể: trước khi có báo cáo thẩm định, A đã đứng ra thỏa thuận mua hạng mục số (1) là 150 lò đốt rác mini với giá mỗi chiếc là 550.000 đồng (tổng cộng là 82.500.000 đồng) của anh Phạm Văn U (là Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Đại Hồng TS) về để phát cho các hộ dân trong xã. Đối với hạng mục số (2), A đã cử cán bộ liên hệ mua hoa với chị Vi Thị Kim Z là cá nhân có giống hoa bán, để về trồng tại tuyến đường bản M, bản KT, bản TL với tổng tiền hoa là 60.000.000 đồng. Đối với hạng mục số (3), A đã thuê anh Nguyễn Văn Y là người có máy xúc để tiến hành cải tạo lòng suối vị trí từ cầu bản TL2 đến bản V, xã TL với tiền công thỏa thuận là 90.000.000 đồng. Sau khi 03 hạng mục trên được các cá nhân thực hiện xong. Tại Quyết định số 2717 ngày 08/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La công nhận xã TL, huyện Phù Yên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Đến tháng 12/2020, khi thực hiện hồ sơ thanh quyết toán đối với gói 500.000.000 đồng nêu trên, B báo cáo với A việc hồ sơ thực hiện 03 hạng mục

nêu trên không đủ các chứng từ hợp pháp để quyết toán. Do các đơn vị, cá nhân thực hiện đều không có hợp đồng, hóa đơn, chứng từ để quyết toán theo quy định. A đã chỉ đạo B phải thực hiện được việc quyết toán. Sau đó, B đã liên hệ với Vũ Thị D (Phó giám đốc Công ty trách Nhiệm hữu hạn LT) để thỏa thuận và thống nhất Công ty TNHH LT sẽ đứng tên là nhà thầu thi công xây dựng đối với 03 hạng mục nêu trên. Mặc dù trên thực tế, Công ty TNHH LT không được thực hiện bất cứ hạng mục nào trong 03 hạng mục trên. D đồng ý và cùng B thống nhất chi phí thực hiện là 12% (gồm 10% là phí hóa đơn giá trị gia tăng, 02% là tiền Công ty TNHH LT được hưởng). B thông tin lại cho A nội dung thỏa thuận giữa D với B và cả 3 thống nhất thực hiện. Nguyễn Thị B đã nhờ Nguyễn Hải E lập khống hồ sơ thi công xây dựng với tên nhà thầu thi công xây dựng là Công ty TNHH LT, người đại diện hợp pháp là Nguyễn Quang C *(Giám đốc Công ty và là chồng của Vũ Thị D)* và chủ đầu tư là UBND xã TL, đại diện là Nguyễn Văn A. Ngoài ra, A trực tiếp nhờ Nguyễn Hải E lập khống hồ sơ tư vấn giám sát thi công xây dựng, đơn vị giám sát là Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY do E là giám đốc với chủ đầu tư là UBND xã TL, đại diện là Nguyễn Văn A. Dù trên thực tế, Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY không được thực hiện việc giám sát thi công. Khi được A và B nhờ lập khống 02 hồ sơ trên, E đã giao cho Hà Văn F thực hiện. Mặc dù biết rõ 02 hồ sơ trên là lập khống, nhưng F vẫn thực hiện theo sự chỉ đạo của E. Khi lập khống xong 02 hồ sơ thi công xây dựng và hồ sơ tư vấn giám sát thi công xây dựng, F in ra và đưa cho E ký tên, đóng dấu Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY vào phần đơn vị giám sát thi công, ký xuất 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000108 giá trị tương ứng trong hợp đồng giám sát thi công. Sau đó, E chỉ đạo F đưa 02 hồ sơ lập khống cho B.

Nguyễn Thị B chuyển cho Nguyễn Văn A 02 hồ sơ khống để A ký tên, đóng dấu UBND xã TL vào mục chủ đầu tư. Rồi B mang 02 hồ sơ khống đến đưa cho D. D chuyển cho C để ký tên vào các tài liệu phần nhà thầu thi công. Mặc dù biết rõ, Công ty TNHH LT do mình làm giám đốc không được thực hiện bất cứ hạng mục nào theo như hồ sơ thể hiện. nhưng khi D đưa 02 hồ sơ khống đến, C vẫn ký xác nhận vào mục nhà thầu thi công. Sau khi C ký tên xong, D đưa hồ sơ cho chị Hoàng Thị X *(Kế toán Công ty TNHH LT)* để đóng dấu tên, dấu Công ty và chỉ đạo chị X ký xác nhận vào 01 phiếu thu đề ngày 13/8/2020 và 01 phiếu chi đề ngày 15/01/2021 và 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000580, đề ngày 22/12/2020 tương ứng với tiền ghi trong hợp đồng thi công xây dựng. Sau đó, chị X đưa lại hồ sơ cho D để D đưa lại cho B.

Ngoài ra, hồ sơ quyết toán gói 500.000.000 đồng còn thiếu hồ sơ tư vấn quản lý dự án xây dựng và hồ sơ mời thầu. Khi B báo cáo lại, A đã cho B số điện thoại của Bùi Văn H để B liên hệ với H nhờ lập khống 02 hồ sơ trên với chi phí thực hiện là 50% giá trị của 02 hợp đồng. Sau khi thống nhất với B, H đã liên hệ với Nguyễn Hải G *(Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB)* để Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB lập và đứng tên trên 02 hồ sơ khống gồm hồ sơ tư vấn quản lý dự án xây dựng và hồ sơ mời thầu, G đồng ý. Xong khi lập khống xong 02 hồ sơ, G ký tên và đóng dấu vào phần nhà thầu tư vấn, đồng thời xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000204 và 0000205, đề ngày 31/12/2020

tương ứng với chi phí tư vấn ghi trong 02 hợp đồng. Sau đó, G chuyển lại cho H, H chuyển lại cho B để hoàn thiện phần chủ đầu tư là UBND xã TL, người đại diện là Nguyễn Văn A.

Sau khi hồ sơ quyết toán gồm các hồ sơ khống gồm: (1) hồ sơ thi công xây dựng, (2) hồ sơ giám sát thi công, (3) hồ sơ tư vấn quản lý dự án xây dựng, (4) hồ sơ mời thầu được thực hiện xong, B đã hoàn thiện và nộp cho Kho bạc Nhà nước huyện Phù Yên để quyết toán theo quy định. Kho bạc Nhà nước huyện Phù Yên đã duyệt quyết toán đối với hồ sơ này và chuyển số tiền cho các đơn vị có tên trong hợp đồng, cụ thể:

+ Ngày 14/01/2021, số tiền 410.282.000 đồng là chi phí thi công xây dựng được chuyển vào tài khoản số 7909211000277 của Công ty TNHH LT mở tại chi nhánh Agribank Phù Yên. Sau đó, B đã cùng chị X đi rút số tiền này về. Sau khi trừ số tiền 44.758.000 đồng tương ứng với 12% cho Công ty TNHH LT như đã thỏa thuận ban đầu với D. B cầm về số tiền 365.524.000 đồng.

+ Ngày 14/01/2021, số tiền 4.400.000 đồng là chi phí thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được chuyển vào tài khoản 42610000171006 của Công ty cổ phần thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN - do anh Đỗ Mạnh V là giám đốc mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phúc Yên. V đã nộp thuế hết 400.000 đồng. Còn lại 4.000.000 đồng trả công thẩm tra hồ sơ cho anh Trần W.

+ Ngày 25/01/2021, số tiền 10.528.000 đồng chi phí giám sát thi công được chuyển vào tài khoản số 7909201002093 của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY mở tại chi nhánh Agribank Phù Yên. Sau khi trừ đi 10% phí hóa đơn giá trị gia tăng, Nguyễn Hải E đã chuyển lại số tiền 9.571.000 đồng cho Nguyễn Văn A.

+ Ngày 26/01/2021, số tiền 11.336.000 đồng tiền chi phí tư vấn quản lý dự án và 1.419.000 đồng tiền chi phí lập hồ sơ mời thầu được chuyển vào tài khoản số 41110007669966 của Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB mở tại chi nhánh BIDV Sơn La. Sau đó, G đã chuyển lại 50% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 7.419.000 đồng cho B.

*Như vậy, tổng số tiền mà A và B nhận lại là: 365.524.000 đồng (từ Công ty TNHH LT) + 9.571.000 đồng (từ Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY) + 7.419.000 đồng (từ Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB ) = 382.514.000 đồng.*

Sau khi rút được tiền về, A đã chỉ đạo B thanh toán cho 03 đơn vị thi công thực tế và chia cho một số cá nhân, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn Y số tiền 90.000.000 đồng tiền nạo vét lòng suối. Trả cho Vi Thị Kim Z số tiền 60.000.000 đồng tiền mua giống hoa. Trả cho Phan Văn U số tiền 82.500.000 đồng tiền mua lò đốt rác mini. Đưa cho Trần Văn TH và A1 số tiền 57.500.000 đồng để nhập quỹ UBND xã TL. Chia cho một số cá nhân trong ban chỉ đạo nông thôn mới của xã: A được hưởng lợi 23.095.000 đồng (đã làm tròn số), ông Hà Văn N 10.000.000 đồng, ông Hà Văn O 8.000.000 đồng, anh Q 22.000.000 đồng, Đinh Văn P 7.000.000 đồng; B đưa cho chị Hoàng Thị X 5.000.000 đồng; chị Hà Thị T

2.000.000 đồng, anh Đinh Văn S 2.000.000 đồng, anh Bàn Văn R 1.000.000 đồng, B được hưởng lợi 12.419.000 đồng.

Như vậy, để thực hiện việc quyết toán đối với gói 500.000.000 đồng được giao cho UBND xã TL làm chủ đầu tư, bị can Nguyễn Văn A đã chỉ đạo bị can Nguyễn Thị B lập khống các hồ sơ, chứng từ và được sự giúp sức của các bị can khác như: Nguyễn Quang C và Vũ Thị D (Công ty TNHH LT), Nguyễn Hải E và Hà Văn F (Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY), Nguyễn Hải G và Bùi Văn H (Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB) gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền theo Kết luận giám định là 440.815.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng).*

Tại cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H đã khai nhận hành vi và nội dung vụ án như nêu trên.

Ngày 18/7/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 117 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với chữ viết và chữ ký của A 20, Đinh Văn P có trong sổ tay tạm giữ của P (ký hiệu A1) và biên bản giao nhận tiền đề ngày 01/7/2022 (ký hiệu A2).

Tại Bản kết luận giám định số 1295/KL-KTHS ngày 29/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định các mẫu chữ viết, chữ ký tại sổ tay, biên bản giao nhận tiền đã nêu trên là của A 20 và Đinh Văn P.

Ngày 10/8/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 131 trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Sở tài chính tỉnh Sơn La giám định xác định thiệt hại ngân sách Nhà nước đối với kinh phí thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, huyện Phù Yên.

Tại Bản kết luận giám định ngày 20/9/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở tài chính tỉnh Sơn La kết luận: … *"Thiệt hại tiền ngân sách Nhà nước đối với kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La là: 440.815.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng), chi tiết:*

*Lập khống hợp đồng thuê nhà thầu xây dựng Công ty TNHH LT (Địa chỉ Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên) xây dựng mới 200 Lò đốt rác mini, trồng hoa tuyến đường bản M, xã TL và nạo vét, cải tạo lòng suối từ bản TL, xã TL đến bản V, xã TL với tổng số tiền: 410.282.000đ (Bốn trăm mười triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng).*

*Lập khống hợp đồng thuê Công ty cổ phần thiết kế giám sát và xây dựng H N (Địa chỉ Thôn NT, xã TT, huyện ML, thành phố HN) thực hiện việc thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật thiết kế và dự toán công trình xây dựng số tiền: 4.400.000đ (Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).*

*Lập khống hợp đồng thuê Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB (Địa chỉ Số nhà 15X, đường NT, Tổ Y, phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) tư vấn, quản lý dự án công trình và chi phí lập hồ sơ mời thầu xây dựng với tổng số tiền: 12.755.000đ (Mười hai triệu,bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).*

*Lập khống hợp đồng thuê Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY (Địa chỉ Tiểu khu X, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên) tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình số 07 ngày 04/8/2020, số tiền: 10.850.000đ (Mười triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).*

*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, số tiền: 2.850.000đ (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).”*

Ngày 29/8/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 138, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu có trong Tập hồ sơ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL do Nguyễn Thị B giao nộp gồm 520 tờ.

Tại Bản kết luận giám định số 1590, ngày 28/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận chữ ký của Nguyễn Văn A (Chủ tịch UBND xã TL), Nguyễn Hải G (Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng ĐGTB), Đỗ Mạnh V (Giám đốc Công ty cổ phần thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN), Nguyễn Quang C (Giám đốc Công ty TNHH LT), Vũ Thị D (phó Giám đốc Công ty TNHH LT), Nguyễn Hải E (Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY), Nguyễn Thị B (Kế toán UBND xã TL) và hình dấu của Đảng ủy xã TL, UBND xã TL, Công ty TNHH LT, Công ty cổ phần tư vấn thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN, Công ty cổ phần tư vấn xây dựng ĐGTB, Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY trên mẫu gửi giám định và mẫu so sánh là cùng một người ký ra, cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 21/10/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 161, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ viết, chữ ký có trong sổ tay Trần Văn TH (ký hiệu A1).

Tại Bản kết luận giám định 1653, ngày 21/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: chữ viết, chữ ký của Đinh Văn P trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra; chữ viết, chữ ký của Trần Văn TH trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra; chữ viết, chữ ký của Trần Văn U trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự (Phó chủ tịch UBND xã TL) trình bày: số tiền đã thu của các hộ dân trong 07 bản thuộc xã TL là 34.500.000 đồng, khoản tiền này đã được thu hồi trong quá trình điều tra, xã đã tiến hành trả lại cho các hộ dân của 07 bản. Đối với dự án *“Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 để xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn của xã TL”* giao cho UBND xã TL làm chủ đầu tư đã được thực hiện xong, UBND xã không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giao trả lại, các chứng từ hợp pháp đã được quyết toán và các sổ họp của Đảng ủy, Ủy ban để được tiếp tục lưu trữ, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Các trưởng bản và nguyên trưởng bản trình bày: thực hiện theo sự chỉ đạo của Thường trực Đảng uỷ xã, các trưởng bản đã tiến hành thu tiền đối với các cán bộ, hộ dân đăng ký mua lò đốt rác mini. Quá trình thực hiện, 07 trưởng bản không được hưởng lợi ích gì từ việc thu tiền. Số tiền thu được đã được hoàn trả đầy đủ cho các cán bộ và hộ dân.

+ Các cán bộ xã trình bày: nội dung vụ việc đúng theo như nội dung đã được trình bày ở trên.

Tại phiên toà, các tài liệu trong hồ sơ và tại các đơn xin xét xử vắng mặt, các hộ dân trình bày: đã được UBND xã TL hoàn trả đủ số tiền nộp mua lò đốt rác mini. Không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 31/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt bị cáo như sau:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/9/2023).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Cấm đảm đảm Nhiệm chức vụ từ 02 đến 03 năm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách Nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TL, nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục bị cáo.

+ Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s  khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Phù Yên nhận được quyết định thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; Cấm đảm đảm Nhiệm chức vụ từ 01 đến 02 năm.

+ Áp dụng điểm c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang C từ 18 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị D từ 18 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải E từ 17 đến 19 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Hà Văn F từ 16 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hà Văn F cho Uỷ ban nhân dân xã MD, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách Nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

+ Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải G từ 16 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 17 đến 19 tháng tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Hải G và Bùi Văn H tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hải G và Bùi Văn H cho Uỷ ban nhân dân phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách Nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân phường QT, thành phố Sơn La trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Về trách Nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận việc các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp khắc phục khoản tiền gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước với số tiền 398.150.000đ *(Ba trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Ghi nhận các cơ quan Nhà nước, công ty, cá nhận đã chuyển trả vào ngân sách Nhà nước số tiền 42.665.000đ *(Bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).*

Ghi nhận việc Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên đã nộp lại cho Ngân sách Nhà nước khoản tiền 1.836.000đ *(Một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).*

Ghi nhận việc Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên đã thanh toán cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY số tiền 57.349.*000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng).*

Do các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã nộp khắc phục đầy đù các khoản tiền gây thiệt hại cho Nhà nước nên không phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Ghi nhận nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường về dân sự.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 398.150.000đ *(Ba trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)* mà các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp. Được niêm phong gián kính trong các phong bì.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biên bản giao nhận tiền đề ngày 01/7/2022; 01 tờ giấy giao nhận tiền đề ngày 26/01/2022; 01 tờ giấy "Danh sách lò đốt giác" của Nguyễn Thị Liên nộp cho Đinh Văn P và danh sách những người nộp tiền; 01 tờ giấy đề ngày 02.3.2021 nội dung về việc nộp tiền Lò đốt rác với số tiền là 1.200.000 đồng.

Trả lại 02 sổ họp cho Ban thường vụ Đảng ủy xã TL; 01 sổ họp cho Uỷ ban nhân dân xã TL tạm giữ của ông A 21; 03 sổ tay cho ông Đinh Văn P; Hà Thị T 02 sổ tay; Hà Văn O 01 Sổ tay; Bàn Văn R 01 sổ tay; 02 sổ tay cho bị cáo Nguyễn Văn A; 01 sổ tay cho bị cáo Nguyễn Thị B; 01 sổ tay cho ông Trần Văn TH, được quyền quản lý sử dụng. Các quyển sổ trên đều được đựng trong gói niêm phong dán kín

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị B 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL E6520, model: Latitude; cho bị cáo Nguyễn Hải E 01 case máy tính, vỏ màu đen, nhãn hiệu DELL, ký hiệu P/N:FV4X37-DEN; cho bị cáo Nguyễn Hải G 01 máy tính xách tay vỏ màu bạc, nhãn hiệu DELL, ký hiệu S548M5I52657, được quyền quản lý, sử dụng.

Trả lại 01 tập hồ sơ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL với số tiền 57.349.*000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng)* cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY; Toàn bộ chứng từ của khoản tiền 1.836.000đ *(Một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* là các khoản chi phí cho: Phí thẩm định dự thầu xây dựng; Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hạng mục công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh nhưng chưa và không được sử dụng quá trình thực hiện dự án đã chuyển nộp lại toàn bộ cho ngân sách Nhà nước, cho Uỷ ban nhân dân xã TL được quyền quản lý, sử dụng.

Đưa một tập hồ sơ, chứng từ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, với số tiền 398.150.000đ *(Ba trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)*, hiện đang được tạm giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên vào trong hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn F do bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra và không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa (tống đạt hợp lệ) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi của các bị cáo và trách Nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; Bản tự khai; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết; Kết luận của Giám định viên tư pháp thuộc Sở tài chính tỉnh Sơn La; Lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Năm 2020, trong quá trình triển khai thực hiện dự án "*Chương trình mục tiêu quốc gia*

*năm 2020 để xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn của xã TL"* giao cho UBND xã TL làm chủ đầu tư với kinh phí được cấp là 500.000.000 đồng. Nguyễn Văn A đã chỉ đạo Nguyễn Thị B lập khống các hồ sơ, chứng từ quyết toán. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Kế toán năm 2015, gây thiệt hại tiền ngân sách Nhà nước.

Với sự giúp sức của các bị cáo Nguyễn Quang C, Vũ Thị D (Công ty TNHH LT) là đơn vị đứng tên nhà thầu thi công xây dựng, dù trên thực tế Công ty TNHH LT không được thực hiện hạng mục nào; Nguyễn Hải E và Hà Văn F (Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY) đã giúp sức lập khống hồ sơ thi công xây dựng và hồ sơ tư vấn giám sát thi công xây dựng, dù trên thực tế E và F biết rõ Công ty TNHH LT không phải là đơn vị thi công và Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY không được thực hiện việc giám sát thi công xây dựng; Nguyễn Hải G và Bùi Văn H (Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng ĐGTB) đã giúp sức lập khống hồ sơ tư vấn quản lý dự án xây dựng và hồ sơ mời thầu, dù trên thực tế không được thực hiện các nội dung này.

Các bị cáo gây thiệt hại tiền ngân sách Nhà nước đối với kinh phí thực hiện dự án trên là: 440.815.000đ (*Bốn trăm bốn mươi triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng)*.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Phân hóa vai trò phạm tội: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được việc lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân và Nhà nước, đồng thời gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, khắc phục toàn bộ hậu quả; nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị B có ông ngoại

là liệt sĩ, trong quá trình công tác Nhiều lần được khen thưởng vì có thành tích xuất sắc như: Giấy khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân huyện Phù Yên và Chủ tịch UBND xã SB; bị cáo Bùi Văn H có bố, mẹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Quang C được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng Giấy khen, Công ty TNHH LT được Tổng cục trưởng tổng cục thuế và Cục trưởng cục thuế tỉnh Sơn La tặng Giấy khen; bị cáo Nguyễn Hải E có mẹ đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình công tác, bị cáo Nguyễn Văn A Nhiều lần được khen thưởng vì có thành tích xuất sắc như: Bộ trưởng Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La tặng Bằng khen và Chủ tịch UBND huyện Phù Yên tặng Giấy khen. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt, giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn A và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để các bị cáo có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Đối với thời gian tạm giam của bị cáo Nguyễn Văn A từ ngày 10/11/2022 đến ngày 18/01/2023, sẽ được khấu trừ khi bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Đối với thời gian tạm giam của bị cáo Nguyễn Thị B từ ngày 10/11/2022 đến ngày 18/01/2023 là 70 (Bảy mươi) ngày. Theo quy định 01 (Một) ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ *(quy đổi bằng 07 tháng cải tạo không giam giữ)*, sẽ được khấu trừ sau khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định: Các bị cáo đều có công việc, thu nhập ổn định, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H do các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[6] Về trách Nhiệm dân sự:

Đối với việc xác định số tiền mà các bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước về các hạng mục công trình đã xây dựng trong dự án: Xây dựng lò đốt rác mi ni; trồng hoa tạo các tuyến đường bản M, bản KT, bản TL; cải tạo lòng

suối bản TL2, bản V. Căn cứ vào công văn số 4733/STC-QLNS ngày 02/12/2022 của Sở tài chính, tỉnh Sơn La về việc: Cung cấp bổ sung thông tin nội dung kết luận giám định; đã xác định lý do không chấp nhận các khoản chi thực tế của hạng mục công trình trên vì đã sử dụng không hợp pháp các hóa đơn, kèm theo các hồ sơ, chứng từ khống, không có giá trị pháp lý, dẫn đến không có căn cứ nghiệm thu tư vấn thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, giá trị khối lượng công việc thực hiện và không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Do đó không đủ điều kiện để giảm trừ phần thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Vì vậy đủ căn cứ xác định các bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 440.815.000đ *(Bốn trăm bốn mươi triệu, tám trăm mười lăm nghìn đồng)*.

Đối với việc các bị cáo đã tự nguyện khắc phục thiệt hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp lại được số tiền 398.150.000 đồng cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn A là 98.095.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị B là 87.419.000 đồng; bị cáo Nguyễn Quang C, Vũ Thị D là 27.460.000đồng; bị cáo Nguyễn Hải E là 30.000.000 đồng; bị cáo Hà Văn F là 10.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hải G là 16.676.000 đồng; bị cáo Bùi Văn H là 10.000.000 đồng. Anh Trần Văn TH, A1 là thủ quỹ xã TL giao nộp lại 57.500.000 đồng; ông Đỗ Mạnh V là 4.000.000 đồng; ông Hà Văn N là 10.000.000 đồng; ông Hà Văn O 8.000.000 đồng; ông Đinh Văn P là 7.000.000 đồng; ông Q là 22.000.000 đồng; bà Hà Thị T là 2.000.000 đồng; bà Bàn Văn R 1.000.000 đồng; ông Cầm Văn S 2.000.000 đồng; bà Hoàng Thị X 5.000.000 đồng. Xét toàn bộ số tiền trên là của ngân sách Nhà nước, do đó cần trả lại cho ngân sách Nhà nước quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 42.665.000 đồng đã được chuyển vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Phòng Tài chính kế hoạch huyện Phù Yên nộp lại 2.850.000 đồng tiền chi phí thẩm tra; Công ty TNHH LT nộp lại 37.298.364 đồng là tiền 10% thuế giá trị gia tăng; Công ty cổ phần thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN nộp lại số tiền 400.000 đồng là tiền 10% thuế giá trị gia tăng; Công ty ĐGTB nộp lại số tiền 1.159.546 đồng là tiền 10% thuế giá trị gia tăng và Công ty HY nộp lại số tiền 957.091 đồng là tiền 10% thuế giá trị gia tăng. Xét việc chuyển trả ngân sách Nhà nước của các tổ chức, cá nhân trên là tự nguyện, đúng pháp luật do đó cần ghi nhận.

Đối với số tiền 59.185.000 đồng là số tiền nằm trong khoản tiền 500.000.000 đồng mà ngân sách Nhà nước đã giao cho UBND xã TL để chi trả cho các hạng mục công trình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: trong đó có 57.349.000 đồng là khoản tiền đã chi trả cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY, do bị cáo Nguyễn Hải E là giám đốc, đối với khoản tiền trên là chi phí thực tế cho việc khảo sát và lập báo cáo kỹ thuật công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nghiệm thu đúng theo quy định; khoản 1.836.000 đồng là các khoản chi phí cho: Phí thẩm định dự thầu xây dựng; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và nghiệm thu hạng mục công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh nhưng chưa và không được sử dụng quá trình thực hiện dự án đã chuyển nộp lại toàn bộ cho ngân sách Nhà nước. Xét việc chi trả cho công ty HY và nộp lại cho

Ngân sách Nhà nước khoản tiền trên là đúng theo quy định của pháp luật do đó cần ghi nhận.

Do đó xác định các bị cáo, cá nhân, tổ chức đã bồi thường, khắc phục cho ngân sách Nhà nước toàn bộ khoản tiền bị thiệt hại.

Ghi nhận nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

[7] Đối với hành vi thu tiền lò đốt rác mini của ông Hà Văn N, ông Hà Văn O và bị cáo Nguyễn Văn A. Quá trình điều tra xác định, Thường trực Đảng ủy xã TL thời điểm này có 03 người gồm: Hà Văn N, Hà Văn O và Nguyễn Văn A đã họp bàn và thống nhất triển khai mô hình lò đốt rác mini và thu được số tiền 34.500.000 đồng. Sau khi Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua lò đốt rác mini, Thường trực Đảng ủy xã TL không dừng việc thu tiền mà thống nhất chuyển nguồn thu tiền để sử dụng cải tạo cảnh quan và các công trình của xã, trong đó sử dụng 30.000.000 đồng để trả cho anh Trần Văn U tiền công cải tạo cảnh quan của UBND xã. Còn lại số tiền 3.400.000 đồng chưa sử dụng đến. Việc sử dụng trên là không đúng quy định theo điểm t, khoản 1, Điều 32 Luật ngân sách năm 2015; khoản 6, khoản 11 Điều 2 Nghị định số 163, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách; điểm e khoản 1 Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 10, điểm g khoản 5 Điều 12 của Thông tư số 344, ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn. Do đó, hành vi của ông N, ông O và bị cáo A có dấu hiệu phạm vào tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, quy định tại Điều 357 Bộ luật Hình sự. Tuy Nhiên, hành vi trên thực hiện vì mục đích chung xây dựng xã TL đạt chuẩn nông thôn mới để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia, không có dấu hiệu tư lợi cá nhân, số tiền thu được không lớn. Bản thân ông N, ông O, A và Nhiều cán bộ xã là những người đi đầu, chủ động đóng góp tiền để tích cực thực hiện nội dung này. Quá trình điều tra đã thu hồi toàn bộ số tiền 34.500.000 đồng để trả cho các hộ dân. Các trưởng bản của 07 bản đã thu tiền cùng các hộ dân có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với hành vi trên. Do đó, không đề cập đến việc xử lý về mặt hình sự.

Đối với ông Đinh Văn P – cán bộ địa chính xã TL. P được bị cáo A chỉ đạo trực tiếp thu tiền lò đốt rác mini của các hộ dân trong xã thông qua các trưởng bản. P không được họp bàn, tham gia cuộc họp của Thường trực Đảng ủy xã TL. Việc thu tiền chỉ là thực hiện theo sự chỉ đạo, không được hưởng lợi gì. Do đó, không đề cập đến việc xử lý. Quá trình thực hiện dự án *"Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 để xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn của xã TL"*, P không được phân công Nhiệm vụ gì. Sau khi thực hiện xong việc quyết toán, P được bị cáo B đưa cho số tiền 7.000.000 đồng, P chỉ biết tiền là của dự án, nhưng không biết nội dung cụ thể và P đã giao nộp lại số tiền này. Hành vi của Đinh Văn P không phải đồng phạm trong vụ án. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

Đối với các thành viên khác trong ban chỉ đạo, ban quản lý xây dựng chương trình nông thôn mới xã TL năm 2020: Gồm có ông Hà Văn N, chức vụ Bí thư Đảng ủy xã TL - Trưởng ban chỉ đạo; ông Hà Văn O chức vụ Phó Bí thư

thường trực - Phó ban chỉ đạo; ông Q - Công chức địa chính xã; ông Bàn Văn R - Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã; ông Cầm Văn S - Phó chủ tịch UBND xã; bà Hà Thị T - Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Tất cả những người này đều không được thực hiện nội dung gì trong quá trình thực hiện dự án trên. Không được bàn bạc, thống nhất thực hiện việc lập khống hồ sơ chứng từ với A và B. Khi được nhận tiền, mọi người chỉ biết tiền từ nguồn nông thôn mới, không nắm rõ nội dung các bị cáo vi phạm. Tất cả đã giao nộp lại số tiền đã nhận. Hành vi của những người nêu trên không phải là đồng phạm trong vụ án. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

Đối với ông Đỗ Mạnh V là Giám đốc Công ty cổ phần thiết kế giám sát và đầu tư xây dựng HN và ông Trần W là nhân viên Công ty. Mặc dù không được trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với A hay B, nhưng khi được bị cáo Nguyễn Hải E nhờ thẩm định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật do công ty HY lập. V đồng ý và giao hồ sơ cho ông W thẩm định. Việc thẩm định được tiến hành đúng theo quy định. Quá trình điều tra, ông V đã nộp lại số tiền 4.000.000 đồng tiền công thẩm định hồ sơ. Hành vi của V và W không phải đồng phạm với các bị cáo trong vụ án. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

Đối với bà Hoàng Thị X – kế toán Công ty TNHH LT. Bị cáo Nguyễn Thị D giao cho X hoàn thiện đóng dấu tên của Nguyễn Quang C, đóng dấu công ty LT và ký xác nhận vào 01 tờ Phiếu thu đề ngày 13/8/2020 và 01 phí chi đề ngày 15/01/2021 trong hồ sơ và xuất hóa đơn giá trị gia tăng giá trị 410.282.000 đồng. X chỉ làm theo sự chỉ đạo của D, không được tham gia, không được biết thỏa thuận giữa bị cáo D và B. Không được biết hồ sơ là lập khống cũng không được biết trên thực tế công ty có được thực hiện các hạng mục như trong hợp đồng hay không. Khi số tiền 410.282.000 đồng được chuyển vào tài khoản của công ty; theo sự chỉ đạo của D, chị X cùng với B đi rút tiền; chỉ giữ lại 12% để mang về công ty, toàn bộ số tiền còn lại đưa cho bị cáo B. Sau khi thực hiện xong công việc, bị cáo B có đưa cho chị X số tiền 5.000.000 đồng. Hoàng Thị X cho rằng đó là tiền công mình đã thực hiện nên được bị cáo B cảm ơn mà không có yêu cầu, đòi hỏi gì từ trước; nay X đã nộp số tiền 5.000.000 đồng trên. Quá trình điều tra đã xác định, đối với 01 phiếu thu và 01 phiếu chi mà X được ký xác nhận thì Kho bạc Nhà nước huyện Phù Yên xác định "không ảnh hưởng đến quá trình kiểm soát khoản chi 410.282.000 đồng". Hành vi của bà Hoàng Thị X không phải là đồng phạm trong vụ án. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

Đối với các cá nhân được thực hiện 03 hạng mục cho Ủy ban nhân dân xã TL gồm có: Nguyễn Văn Y là người trực tiếp được thuê nạo vét lòng suối, Vi Thị Kim Z là người cung cấp giống hoa, Phan Văn U là người cung cấp 150 lò đốt rác mini cho UBND xã TL. Quá trình điều tra xác định, việc thực hiện của 03 người trên là giao dịch dân sự, hợp đồng bằng miệng với bị cáo A. Các cá nhân trên đều đã thực hiện xong nội dung theo như đã thỏa thuận và được thanh toán tiền công đầy đủ. Các cá nhân này không có bất cứ liên hệ nào với Công ty TNHH LT và không cung cấp bất kỳ hóa đơn giá trị gia tăng nào cho UBND xã TL, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, 03 cá nhân không có yêu cầu đề nghị

gì do đã nhận đủ tiền công như thỏa thuận. Hành vi của họ không phải là đồng phạm trong vụ án. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

Đối với Phòng kinh tế hạ tầng huyện Phù Yên là đơn vị có trách Nhiệm Thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty HY lập cho UBND xã TL. Phòng tài chính kế hoạch là đơn vị có trách Nhiệm kiểm soát hồ sơ chi ngân sách. Kho bạc Nhà nước huyện Phù Yên là đơn vị có thẩm quyền thẩm định hồ sơ quyết toán của xã TL. Các cán bộ được phân công thực hiện Nhiệm vụ của 03 đơn vị này đều không được bàn bạc, thỏa thuận, hưởng lợi ích vật C và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo A và B. Quá trình điều tra, Phòng tài chính kế hoạch huyện Phù Yên đã nộp lại vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.850.000 đồng tiền chi phí thẩm tra hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty HY lập cho UBND xã TL. Do đó, không đề cập đến việc xử lý.

[8] Đối với ông Hà Văn N, chức vụ Bí thư Đảng ủy xã TL - Trưởng ban chỉ đạo; ông Hà Văn O chức vụ Phó Bí thư thường trực - Phó ban chỉ đạo nông thôn mới xã TL. Đã có hành vi họp bàn và thống nhất triển khai mô hình lò đốt rác mini và thu được số tiền 34.500.000 đồng. Sau khi Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua lò đốt rác mini, các ông không cùng Thường trực Đảng ủy xã TL chỉ đạo việc dừng việc thu tiền mà thống nhất chuyển nguồn thu tiền để sử dụng cải tạo cảnh quan và các công trình của xã. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, hành vi trên của các ông thực hiện vì mục đích chung xây dựng xã TL đạt chuẩn nông thôn mới để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia, không có dấu hiệu tư lợi cá nhân, số tiền thu được không lớn. Bản thân N, O, A và Nhiều cán bộ xã là những người đi đầu, chủ động đóng góp tiền để tích cực thực hiện nội dung này. Quá trình điều tra đã thu hồi toàn bộ số tiền 34.500.000 đồng để trả cho các hộ dân. Các trưởng bản của 07 bản đã thu tiền cùng các hộ dân có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với hành vi trên. Quá trình công tác được đóng góp Nhiều công sức cho việc phát triển chung của xã TL và đạt được Nhiều thành tích suất xắc được cấp có thẩm quyền khen thưởng. Mặc dù hành vi của các ông không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng cần kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý về đảng và chính quyền theo đúng quy định.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 398.150.000 đồng do các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp tại cơ quan điều tra. Xét thấy, đây là tiền do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, gây thiệt hại cho Nhà nước nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 biên bản giao nhận tiền đề ngày 01/7/2022; 01 tờ giấy giao nhận tiền đề ngày 26/01/2022; 01 tờ giấy "Danh sách lò đốt giác" của Nguyễn Thị L1 nộp cho Đinh Văn P và danh sách những người nộp tiền; 01 tờ giấy đề ngày 02.3.2021 nội dung về việc nộp tiền Lò đốt rác với số tiền là 1.200.000 đồng. Xét thấy đây là những giấy tờ không phải là chứng từ, tài liệu liên quan đến vụ án và không có giá trị sử dụng, do đó cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 02 sổ tay của Đinh Văn P; 02 sổ họp của Ban thường vụ Đảng ủy xã TL; 02 sổ tay do Hà Thị T giao nộp; 01 Sổ tay do Đinh Văn P giao nộp; 01 sổ tay do A 21 giao nộp; 01 Sổ tay do Hà Văn O giao nộp; 01 Sổ tay do Bàn Văn R giao

nộp là sổ họp của ủy ban nhân dân xã TL; 02 Sổ tay do Nguyễn Văn A giao nộp; 01 Sổ tay của Nguyễn Thị B; 01 Sổ tay của Trần Văn TH giao nộp. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ngoài nội dung liên quan đến vụ án đã đã được điều tra làm rõ, còn có các nội dung khác liên quan đến công việc và quyền lợi riêng, do đó cần trả lại cho các bị cáo và cá nhân được quyền quản lý, sử dụng.

Đối với 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL E6520, model: Latitude, do Nguyễn Thị B giao nộp; 01 case máy tính, vỏ màu đen, nhãn hiệu DELL, ký hiệu P/N:FV4X37-DEN, do Nguyễn Hải E giao nộp và 01 máy tính xách tay vỏ màu bạc, nhãn hiệu DELL, ký hiệu S548M5I52657 do Nguyễn Hải G giao nộp. Xét thấy đây tài sản hợp pháp của các bị cáo, ngoài các dữ liệu liên quan đến vụ án đã đã được điều tra làm rõ, còn có các dữ liệu khác liên quan đến công việc và quyền lợi riêng, do đó cần trả lại cho các bị cáo được quyền quản lý, sử dụng.

Đối với 01 tập hồ sơ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, với số tiền 57.349.000 đồng cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY; toàn bộ chứng từ của khoản tiền 1.836.000 đồng là các khoản chi phí cho: Phí thẩm định dự thầu xây dựng; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hạng mục công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh nhưng chưa và không được sử dụng quá trình thực hiện dự án đã chuyển nộp lại toàn bộ cho ngân sách Nhà nước. Xét là các chứng từ hợp pháp, do đó cần giao trả lại cho Ủy ban nhân xã TL tiếp tục quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

Đối với 01 tập hồ sơ, chứng từ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, với số tiền 398.150.000 đồng. Quá trình thẩm vấn tại phiên tòa xác định đều là chứng từ quyết toán mà các bị cáo lập khống để thực hiện hành vi chiếm đoạt ngân sách của Nhà nước, nên không có giá trị pháp lý. Hiện nay toàn bộ tập hồ sơ, chứng từ đang được tạm giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có bản gốc của tập chứng từ trên, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hà Văn F được miễn án phí hình sự sơ thẩm do cư trú tại xã khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H, phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/9/2023).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Cấm đảm Nhiệm chức vụ đối với bị cáo là 03 (Ba) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách Nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TL, nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 32 (Ba mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ 70 (Bảy mươi) ngày tạm giữ, tạm giam; quy đổi thành 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 25 (Hai mươi lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Cấm đảm Nhiệm chức vụ đối với bị cáo là 02 (Hai) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang C 19 (Mười chín) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Vũ Thị D 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải E 17 (Mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Hà Văn F 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát,

giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hà Văn F cho Uỷ ban nhân dân xã MD, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo có trách Nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải G 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 17 (Mười bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Hải G và Bùi Văn H tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Hải G và Bùi Văn H cho Uỷ ban nhân dân phường QT, thành phố SL, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách Nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân phường QT, thành phố SL trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Hà Văn F, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H.

2. Về trách Nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp khắc phục khoản tiền gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước với số tiền 398.150.000đ *(Ba trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ghi nhận các cơ quan Nhà nước, công ty, cá nhân đã chuyển trả vào ngân sách Nhà nước số tiền 42.665.000đ *(Bốn mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).*

Ghi nhận việc Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên đã nộp lại cho Ngân sách Nhà nước khoản tiền 1.836.000đ *(Một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).*

Ghi nhận việc Uỷ ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên đã thanh toán cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY số tiền 57.349.*000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng)*.

Do các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã nộp khắc phục đầy đủ các khoản tiền gây thiệt hại cho Nhà nước nên không phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Ghi nhận nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường về dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 398.150.000đ *(Ba trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)* mà các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp lại. Được niêm phong dán kín trong các phong bì.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biên bản giao nhận tiền đề ngày 01/7/2022; 01 tờ giấy giao nhận tiền đề ngày 26/01/2022; 01 tờ giấy "Danh sách lò đốt giác" của Nguyễn Thị L1 nộp cho Đinh Văn P và danh sách những người nộp tiền; 01 tờ giấy đề ngày 02.3.2021 nội dung về việc nộp tiền Lò đốt rác với số tiền là 1.200.000 đồng.

Trả lại 02 sổ họp cho Ban thường vụ Đảng ủy xã TL; 01 sổ họp cho Uỷ ban nhân dân xã TL tạm giữ của ông A 21; 03 sổ tay cho ông Đinh Văn P; Hà Thị T 02 sổ tay; Hà Văn O 01 Sổ tay; Bàn Văn R 01 sổ tay; 02 sổ tay cho bị cáo Nguyễn Văn A; 01 sổ tay cho bị cáo Nguyễn Thị B; 01 sổ tay cho ông Trần Văn TH, được quyền quản lý sử dụng. Các quyển sổ trên đều được niêm phong dán kín.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị B 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL E6520, model: Latitude; cho bị cáo Nguyễn Hải E 01 case máy tính, vỏ màu đen, nhãn hiệu DELL, ký hiệu P/N:FV4X37-DEN; cho bị cáo Nguyễn Hải G 01 máy tính xách tay vỏ màu bạc, nhãn hiệu DELL, ký hiệu S548M5I52657, được quyền quản lý, sử dụng.

Trả lại 01 tập hồ sơ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, với số tiền 57.349.*000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng)* cho Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng HY. V bộ chứng từ của khoản tiền 1.836.000đ *(Một triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng)* là các khoản chi phí cho: Phí thẩm định dự thầu xây dựng; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi nghiệm thu hạng mục công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh nhưng chưa và không được sử dụng quá trình thực hiện dự án đã chuyển nộp lại toàn bộ cho ngân sách Nhà nước cho Uỷ ban nhân dân xã TL được quyền quản lý, sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy tập hồ sơ, chứng từ quyết toán gói nông thôn mới năm 2020 của UBND xã TL, với số tiền 398.150.000đ *(Ba trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)* được đựng trong hộp giấy niêm phong, dán kín.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 62/BB-GNVC ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên)*

4. Kiến nghị Huyện ủy Phù Yên xem xét xử lý về Đảng, chính quyền và công tác cán bộ đối với ông Hà Văn N, ông Hà Văn O theo đúng quy định.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, Nguyễn Quang C, Vũ Thị D, Nguyễn Hải E, Nguyễn Hải G và Bùi Văn H, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

mỗi bị cáo là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn F.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Anh Đức**